

UBND QUẬN NGỘ QUYÊN
TRƯỜNG TIỂU HỌC KIM ĐỒNG

Số: 2/BC-THKD

Quận Ngộ Quyên, ngày 05 tháng 3 năm 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO

Tự đánh giá mức độ chuyển đổi số trong nhà trường Năm 2024 - 2025

Thực hiện Kế hoạch số 41/KH-PCDDT ngày 12/5/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai đánh giá mức độ chuyển đổi số tại các trường mầm non, tiểu học, THCS năm học 2024 – 2025.

Trường Tiểu học Kim Đồng đã tiến hành tự đánh giá, mức độ chuyển đổi số trong nhà trường, kết quả tự đánh giá, xếp loại như sau:

1. Tổ chức tự đánh giá:

1.1. Thời gian: 8h, ngày 05 tháng 3 năm 2025

1.2. Địa điểm: Hội trường trường Tiểu học Kim Đồng

1.3. Thành phần:

- Chủ trì: Bà Lâm Thị Bích Liên – Hiệu trưởng – Trưởng ban chỉ đạo
- Thư ký: Bà Lê Thị Thu Hà – Thành viên ban chỉ đạo
- Thành viên: Bà Phạm Thị Vân Anh – Phó Hiệu trưởng; Bà Nguyễn Thị Loan; Bà Đỗ Thị Lụa; Bà Nguyễn Thị Thu Thủy; Bà Phạm Thị Thanh Hằng; Bà Nguyễn Thủy Trang; Bà Nguyễn Thị Kim Nhung.

2. Bảng điểm tự chấm thực hiện theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

STT	Tiêu chí	Thang điểm		Tự đánh giá		Ghi chú, minh chứng
		Điểm tối đa	Điểm thành phần	Điểm	Mức độ	
I	Chuyển đổi số trong dạy, học	100	100	89		
1.1	Có ban hành kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến (kết hợp với dạy học trực tiếp; ban hành riêng hoặc lồng ghép trong kế hoạch tổ chức dạy học hằng năm)					Số 145D/KH-THKD ngày 08/9/2024, kế hoạch về việc dạy học trực tuyến năm học 2024 - 2025
1.2.	Có ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến					Số 145C/QĐ-THKD ngày 06/9/2024, Quyết định ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến năm học 2024 - 2025
1.3.	Triển khai phần mềm dạy học trực tuyến: - Có triển khai phần mềm dạy học trực tuyến trực tiếp (ghi tên) Có triển khai hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS)/hệ thống quản lý nội dung học tập trực tuyến (LCMS) (cung cấp thông tin: Tên giải pháp, tự xây dựng/thuê/mua). - Hệ thống LMS/LCMS có triển khai các chức năng: 1) Giáo viên giao bài cho học sinh tự học; 2) Giáo viên trả lời (giải đáp) các câu hỏi của học sinh; 3) Tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên; 4) Phụ huynh học sinh tham gia vào các hoạt động học tập của học sinh.	30	6	6		Tới đa 24 điểm, mỗi chức năng triển khai tới đa 6 điểm Sử dụng các phần mềm Zoom; google meet; MS Teams; Zalo
1.4.	Số lượng học liệu được số hóa (đã được tổ chuyên môn thông qua và được người đứng đầu cơ sở giáo dục phê duyệt).	10	10	8	Mức độ 3	3000 bài giảng điện tử https://taphuan.csdl.edu.vn/user/login
1.5.	Có tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính: có phần mềm, máy tính kết nối mạng LAN (cung cấp thông tin: tên giải pháp phần mềm)	20	15	14	Mức độ 3	Có phần mềm máy tính kết nối mạng Internet, mạng LAN. Tên giải pháp phần mềm : Netop school 6;12 để quản lý phòng máy.

	Phần mềm tổ chức thi trên máy tính có kết nối, trao đổi kết quả với hệ thống quản trị nhà trường		5	4		Phần mềm tổ chức thi trên máy tính có kết nối, trao đổi kết quả với hệ thống quản trị nhà trường; Zoom; google meet; MS Teams, Form..
1.6.	Phát triển nguồn nhân lực chuyên đổi số: - Ti lệ giáo viên có tài khoản sử dụng trên Hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến để tự bồi dưỡng qua mạng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu. - Ti lệ giáo viên có thể khai thác sử dụng được các phần mềm, công cụ nhằm đổi mới phương pháp dạy học - Ti lệ giáo viên có thể xây dựng được học liệu số, bài giảng điện tử	20	7	7	Mức độ 3	< 30%: tối đa 2 điểm; 30%-60%: tối đa 4 điểm; > 60%: tối đa 7 điểm
1.7.	Hạ tầng, thiết bị sử dụng chuyên đổi số dạy, học: - Ti lệ phòng học có thiết bị trình chiếu, thiết bị phụ trợ sử dụng dạy-học và kết nối Internet trên tổng số phòng học Mức độ đáp ứng yêu cầu môn Tin học ^{III} - Có phòng studio (gồm máy tính, thiết bị phục trợ cho việc xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử)	20	7	7	Mức độ 3	< 20%: tối đa 2 điểm; 20%-60%: tối đa 5 điểm; 60%: tối đa 8 điểm Trung bình 2 Hs/máy tính
			6	6		
			8	8		
2	Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục	100	0	Không có	84	
2.1.	Cơ sở giáo dục thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số (thông tin: Họ tên, chức vụ, email, điện thoại)					Số 253A/QĐ-THKD ngày 13/12/2024, Quyết định về việc thành lập Ban chỉ đạo chuyển đổi số năm học 2024 – 2025
2.2.	Có ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số					Số 175L/KH-THKD ngày 08/10/2024, Kế hoạch quản lý và sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu trên hệ thống CSDL ngành Giáo dục và đào tạo Hải Phòng năm học 2024 – 2025. Số 184/KH-THKD ngày 14/10/2024, Kế hoạch chỉ đạo Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và giảng dạy năm học 2024 - 2025

2.3	Có triển khai phần mềm quản trị nhà trường (cung cấp thông tin: tên giải pháp, tự xây dựng/mua/thuê): - Có ban hành quy chế sử dụng hệ thống quản trị nhà trường - Có triển khai phân hệ quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập) - Có triển khai sổ điểm điện tử, học bạ điện tử, ký số - Có triển khai phân hệ quản lý đội ngũ CBVCNV - Có triển khai phân hệ quản lý cơ sở vật chất - Có triển khai phân hệ quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh - Có triển khai phân hệ quản lý kế toán - Phần mềm kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với CSDL ngành (do Bộ quản lý)	70	6	0	Mức độ 3	csdl.haiphong.edu.vn csdl.haiphong.edu.vn csdl.haiphong.edu.vn; phần mềm MISA(Haiphong.qldb.vn) Phần mềm MISA csdl.haiphong.edu.vn Phần mềm MISA
		6	6			
		20	20			
		6	6			
		5	5			
		5	5			
		6	6			
		6	6			
		6	6			
		6	6			
2.4.	Mức độ triển khai dịch vụ trực tuyến: - Có triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường (thông tin: Qua OTT (Over The Top) hoặc qua ứng dụng web) - Có triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến: - Có triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt	30	8	8	Mức độ 3	https://azota.vn/de-thi/b/doioc; https://www.vuihoc.vn/tieuhoc csdl.haiphong.edu.vn Phần mềm thu chi MISA, phần mềm ngân hàng Vietcombank
			12	12		
			10	10		

3. Tự nhận xét, đánh giá

3.1. Ưu điểm:

+ Nhà trường chú trọng bồi dưỡng đội ngũ (cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh) có kiến thức, kỹ năng đáp ứng yêu cầu chuyên đổi số. Trước hết là kỹ năng sử dụng CNTT, kỹ năng an toàn thông tin, kỹ năng khai thác, sử dụng hiệu quả các ứng dụng phục vụ công việc dạy - học hàng ngày.

+ Trong quản lý giáo dục, nhà trường đã triển khai số hóa, xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung từ cho đội ngũ CB – GV - NV nhà trường. Hiện nay đã số hóa và định danh dữ liệu của giáo viên và học sinh. Cơ sở dữ liệu này vừa qua cũng đã hỗ trợ

đặc lực công tác tuyển sinh và thống kê, báo cáo trong toàn trường. Nhà trường đã sử dụng phần mềm quản lý trường học, sổ điểm điện tử, học bạ điện tử, duyệt giáo án qua drive và hầu hết cán bộ, giáo viên, nhân viên đều vận dụng hiệu quả, tích cực.

+ Về nhân lực, nhà trường triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018, môn Tin học được đưa vào giảng dạy bắt buộc lớp 3, lớp 4, lớp 5 và 100% học sinh lớp 3, lớp 4, lớp 5 được học Tin học 01 tiết/ tuần; mô hình giáo dục STEM bước đầu giáo viên được tiếp cận, tiến tới dạy lồng ghép trong các môn học, gắn việc học của học sinh thông qua các hoạt động ứng dụng công nghệ để giải quyết các bài toán và hiện tượng trong cuộc sống. Đã xây dựng được 01 phòng học Stem và thành lập được CLB lập trình Robot cho những học sinh yêu thích và có đam mê.

+ Về dạy - học, 100% giáo viên toàn trường sử dụng thành thạo CNTT; tham gia, đóng góp chia sẻ học liệu vào kho học liệu số của nhà trường và của ngành giáo dục; tham gia làm bài giảng điện tử e-learning có chất lượng, tham gia xây dựng ngân hàng đề, câu hỏi trắc nghiệm... góp phần xây dựng xã hội học tập và đẩy mạnh việc học tập suốt đời.

3.2. Tôn tại, hạn chế:

+ Hạ tầng mạng, trang thiết bị CNTT, đường truyền, dịch vụ Internet chưa đồng bộ, chưa ổn định.

+ Số hóa, xây dựng, cập nhật học liệu số, thẩm định, chia sẻ học liệu số đòi hỏi sự đầu tư lớn về nhân lực (gồm cả nhân lực quản lý và nhân lực triển khai) cũng như tài chính để đảm bảo khai thác học liệu số đạt chất lượng, đáp ứng yêu cầu học tập, nghiên cứu, tham khảo của giáo viên và học sinh. Vì vậy hiện nay vấn đề khai thác học liệu số (như sách điện tử, thư viện điện tử, ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm, bài giảng điện tử, phần mềm học liệu điện tử...) chưa thật phong phú.

+ Trình độ tin học của CBGVNV chưa bắt kịp với yêu cầu ngày càng cao của giáo dục nên việc thực hiện UDCNTT còn gặp trở ngại. Nhà trường không có cán bộ chuyên trách về CNTT.

3.3. Phương hướng, khắc phục:

+ Cần tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến, nâng cao nhận thức và trách nhiệm, thông suốt về tư tưởng và quyết tâm hợp lực thực hiện chuyển đổi số trong toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên. Thúc đẩy phát triển học liệu số (phục vụ dạy - học, kiểm tra, đánh giá, tham khảo, nghiên cứu khoa học) ở tất cả các môn học gắn với việc thẩm định nội dung, kết nối, chia sẻ học liệu giữa các địa phương, nhà trường; hình thành kho học liệu số, học liệu mở dùng chung toàn ngành, đáp ứng nhu cầu



tự học, học tập suốt đời, thu hẹp khoảng cách giữa các trường; tiếp tục đổi mới cách dạy và học trên cơ sở áp dụng công nghệ số, khuyến khích và hỗ trợ áp dụng các mô hình giáo dục đào tạo mới dựa trên các nền tảng số.

- + Tiếp tục đầu tư về CSSVC, trang thiết bị để đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong Giáo dục.
- + Ban giám hiệu nhà trường cần quan tâm, giám sát thường xuyên việc thực hiện các tiêu chí về mức độ chuyển đổi số để có những chỉ đạo kịp thời.

+ Cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường cần trau dồi kinh nghiệm cũng như trang bị kiến thức về công nghệ thông tin để đáp ứng kịp thời cho công tác giảng dạy và quản lí hồ sơ học sinh trên phần mềm trực tuyến

Kết quả đánh giá, xếp loại trên đã được tất cả các thành viên của Hội đồng tự đánh giá nhất trí với kết quả **173 điểm**.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT quận;
- Thành viên Hội đồng tự đánh giá;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Lâm Thị Bích Liên

